

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 74/2021/DSST

Ngày: 16/4/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hui”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Kiên Dân

2. Bà Bùi Thu Hảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị An Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:* Ông Mai Hùng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2020/TLST-DS, ngày 24/11/2020, về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H và bà A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Tôi có tham gia góp 09 dây hui do bà A làm đầu thảo, như sau:

- Có 05 dây hui chưa mặng nhưng bà A ngưng góp, cụ thể:

Dây thứ 1: Hui mở ngày 15/12/2018 (al), dây hui có 25 phần, 1.00.000 đồng/phần, tôi tham gia góp 02 phần. Trong đó, tôi hót 01 phần với số tiền là 20.000.000 đồng. Bà A mới đưa được 3.000.000đ nên còn nợ lại 17.000.000 đồng. Còn lại 01 phần, tôi góp

được 20 kỳ. Do hội sắp mãn nên tôi yêu cầu bà A trả cho tôi 20 kỳ hội có lãi là 20.000.000 đồng. Tổng cộng 02 phần hội, bà A còn nợ tôi 37.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hội mở ngày 25/3/2019 (al), dây hội có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 02 phần, đã góp được 17 kỳ, số tiền đã đóng là 19.880.000 đồng.

Dây thứ 3: Hội mở ngày 10/11/2019 (al), dây hội có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 02 phần, đã góp được 10 kỳ, số tiền đã đóng là 11.433.000 đồng.

Dây thứ 4: Hội mở ngày 30/01/2020 (al), dây hội có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 03 phần, đã góp được 08 kỳ, số tiền đã đóng là 13.935.000 đồng.

Dây thứ 5: Hội mở ngày 05/4/2020 (al), dây hội có 24 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 01 phần, đã góp được 04 kỳ, số tiền đã đóng là 2.340.000 đồng.

Dây thứ 6: Hội mở ngày 30/5/2020 (al), hội tuần, dây hội có 70 phần, 200.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 01 phần, đã góp được 15 kỳ, số tiền đã đóng là 1.834.000 đồng.

Tổng 06 dây hội, số tiền tôi đóng được là 86.422.000 đồng.

- Còn 03 dây hội tôi đã hốt, tôi nợ lại bà A như sau:

Dây thứ 1: Hội mở ngày 27/4/2018 (al), hội tuần, dây hội có 110 phần, 200.000 đồng/phần, tham gia góp 02 phần. Đã hốt hết 02 phần. Còn nợ hội chết 14 kỳ là 2.800.000đ (14 X 2 X 200.000đ).

Dây thứ 2: Hội mở ngày 30/9/2018 (al), dây hội có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần, tham gia góp 02 phần. Đã hốt hết 02 phần. Còn nợ hội chết 03 kỳ là 6.000.000đ (1.000.000đ X 2 X 3).

Dây thứ 3: Hội mở ngày 20/6/2019 (al), dây hội có 27 phần, 1.000.000 đồng/phần, tham gia góp 01 phần. Đã hốt. Còn nợ hội chết 14 kỳ là 28.000.000đ (2.000.000đ X 14).

Tổng 03 dây hội, tôi nợ bà A số tiền 36.800.000 đồng.

- Ngày 14/02/2020, tôi có vay (không lãi) của bà A số tiền 10.000.000đ.

Tổng số tiền hội và tiền vay, tôi còn nợ bà A số tiền 46.800.000 đồng.

Tôi yêu cầu căn trừ số tiền tôi nợ bà A sang số tiền bà A nợ tôi. Sau khi căn trừ, bà A còn nợ tôi là 39.622.000 đồng. Yêu cầu bà A trả cho tôi làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Bị đơn, bà Phạm Thị A trình bày:*

Bà H có góp hội với tôi tổng cộng 09 dây hội như bà H trình bày. Bà H đã hốt 03 dây hội và còn nợ lại tôi tiền hội chết chưa đóng là 36.800.000 đồng. goài ra, bà H còn nợ tôi tiền vay là 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà H còn nợ tôi 46.800.000 đồng. Còn lại 06 dây hội, bà H chưa hốt nhưng do thị võ hội nên tôi ngừng góp, cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hội mở ngày 15/12/2018 (al), dây hội có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần. Bà H góp 02 phần. Trong đó, bà H hốt 01 phần là 20.000.000đ. Tôi đã trả cho bà H

3.000.000đ nên còn nợ lại 17.000.000đ. 01 dây hui chưa hót, bà H đóng được 20 kỳ là 11.096.000đ. Tổng số tiền của 02 phần hui này là 28.096.000 đồng.

Dây thứ 2: Hui mở ngày 25/3/2019 (al), dây hui có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần. Bà H góp 02 phần, đã góp được 10 kỳ. Bà H đóng được 17.920.000 đồng.

Dây thứ 3: Hui mở ngày 10/11/2019 (al), dây hui có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần. Bà H góp 02 phần, đã góp được 10 kỳ. Bà H đóng được 10.470.000 đồng.

Dây thứ 4: Hui mở ngày 30/01/2020 (al), dây hui có 24 phần, 1.000.000 đồng/phần. Bà H góp 03 phần, đã góp được 08 kỳ. Bà H đóng được 13.995.000 đồng.

Dây thứ 5: Hui mở ngày 05/4/2020 (al), dây hui có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần. Bà H góp 03 phần, đã góp được 03 kỳ. Bà H đóng được 2.344.000 đồng.

Dây thứ 6: Hui mở ngày 30/5/2020 (al), hui tuần, dây hui có 70 phần, 200.000 đồng/phần. Bà H góp 01 phần, đã góp được 13 kỳ, số tiền đóng được là 1.718.000 đồng. Tổng cộng 06 dây hui, số tiền bà H đóng được là 74.539.000 đồng.

Tôi có yêu cầu phản tố: Yêu cầu bà H trả cho tôi số tiền hui, tiền vay còn nợ là 46.800.000 đồng và xin cân trừ sang số tiền tôi nợ bà H là 74.539.000 đồng. Sau khi cân trừ, tôi còn nợ bà H 27.739.000 đồng.

Tôi đồng ý trả cho bà H số tiền 74.539.000 đồng, nhưng do các hui viên đã hót hui, không đóng lại hui chết nên tôi không có tiền trả cho bà H làm một lần. Do đó, tôi xin trả cho bà H mỗi tháng 1.000.000 đồng.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định bà H có góp 09 dây hui cho bà A làm đầu thảo. Trong đó, có 03 dây bà H đã hót hui và còn nợ hui chết là 36.800.000 đồng và bà H có nợ tiền vay của bà A là 10.000.000 đồng. Bà A yêu cầu phản tố, yêu cầu bà H trả lại 46.800.000 đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H Trả cho bà A 46.800.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Riêng 06 dây hui còn lại, bà H và bà A trình bày không thống nhất nhau về số tiền thực tế bà H đã đóng. Tại phiên tòa, bà H và bà A cho rằng mỗi bên tự theo dõi nên bà A không ký tên khi nhận tiền. Tại phiên tòa, bà H và bà A thỏa thuận thống nhất, sau khi cân trừ số tiền bà H nợ bà A là 46.800.000 đồng thì bà A còn phải trả tiếp cho bà H số tiền 29.832.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương. Buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà H 73.632.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H và bà A nộp án theo phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Phạm Thị A là tranh chấp về “*Hợp đồng góp hội*” theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu bà A trả số tiền hội đã đóng là 86.422.000 đồng. Bà A xác định số tiền bà H đóng được là 74.539.000đ nên hai bên trình không thống nhất nhau về số tiền thực tế đã đóng. Xét thấy, tại phiên tòa bà H và bà A cho rằng tự ghi vào sổ để theo dõi, không có đối chiếu, không ký tên xác nhận số tiền góp ở mỗi kỳ nên cả hai không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, bà H và bà A đã tự thỏa thuận thống nhất về số tiền bà H thực tế đã đóng cho bà A là 73.632.500 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên ghi nhận.

Xét yêu cầu phản tố của bà A: Bà A yêu cầu bà H trả số tiền hội chết chưa đóng là 36.800.000 đồng và tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 46.800.000 đồng và yêu cầu căn trừ vào số tiền bà H nợ bà A. Xét thấy, bà H đồng ý trả cho bà A số tiền 46.800.000 đồng, nên ghi nhận.

Xét về thời gian trả: Bà H yêu cầu bà A trả 73.632.500 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà A xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, mục đích của việc tổ chức góp hội là tương trợ vốn làm ăn trong nhân dân. Theo thỏa thuận trong hình thức góp hội là sau mỗi kỳ góp hội, sẽ có 01 hội viên được hốt hội. Nhưng do bà A ngưng góp hội nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà A trả 73.632.500 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 46.800.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà H có nghĩa vụ nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà A nhưng bà H được miễn nộp tiền án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà A có nghĩa vụ nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà H nhưng do bà A có hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên được giảm 50% số tiền án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.
- Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền hụi còn nợ là 73.632.500 (*bảy mươi ba triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị A.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị A số tiền hụi còn nợ là 46.800.000 (*bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí:

+ Bà Phạm Thị A phải nộp 3.681.625 đồng, án phí dân sự sơ thẩm; được giảm 50% số tiền án phí. Bà A còn phải nộp 1.840.812 đồng, án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.170.000 đồng, theo biên lai thu số 0019209, ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã G. Bà A còn phải nộp 670.812 (*sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm mười hai*) đồng, án phí.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H được miễn nộp án phí.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc H và chị Phạm Thị A không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì Hng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang đề yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Gò Công;
- THA dân sự TX. Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Toạ Phiên Toà

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

